

Bản tin chứng khoán

Trong số này

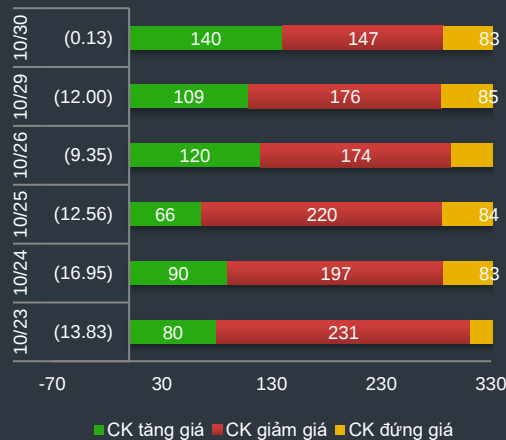
Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường

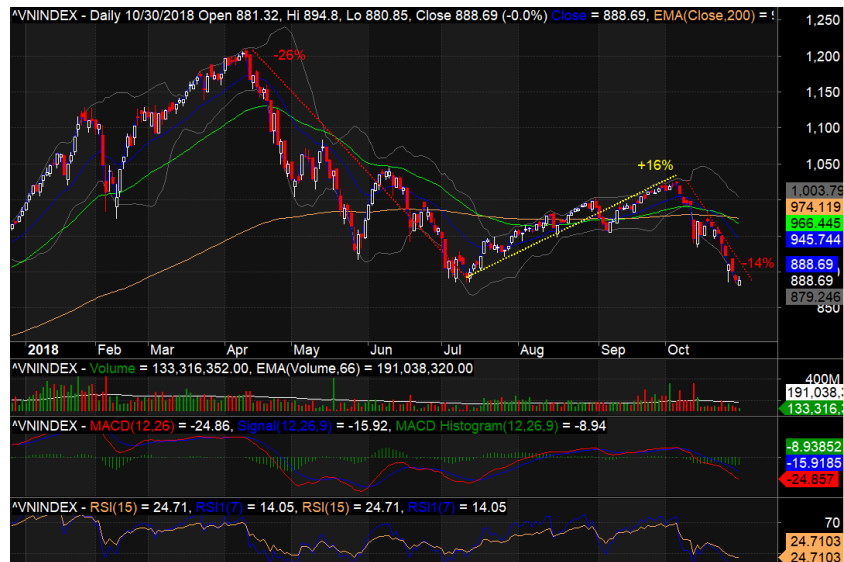


Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VCB	25.1
GMD	15.4
KDC	10.6
MPC	10.3
PVS	7.0
SAB	6.6
KDH	6.5
VRE	3.7
BVH	3.2
POW	2.8
HDB	(8.0)
MSN	(12.3)
NVL	(15.6)
VHM	(17.4)
BID	(19.8)
VNM	(22.4)
VIC	(22.6)
DXG	(23.9)

Thị trường trải qua nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau khi giảm mạnh đầu phiên, sau đó vượt lên xanh điểm duy trì đến tận phiên chiều và kết thúc lại mất điểm ở những phút cuối giờ giao dịch. Bất chấp việc hôm trước chỉ số DJ của Mỹ giảm sâu nhưng thị trường Châu Á buổi sáng xanh điểm đã tiếp sức cho đà hồi phục của thị trường trong nước. Dù mất điểm cuối phiên nhưng sắc diện của bảng điện đã bớt ảm đạm hơn. Chỉ có thanh khoản là vẫn còn yếu – chỉ khoảng 2,880 tỷ sàn HOSE, thấp hơn 40% so với trung bình hàng ngày. Điều này đơn giản dễ hiểu là nhiều nhà đầu tư vẫn còn bị “kẹt” cổ phiếu giá cao. Việc bán ra lúc này vẫn lổ khá nhiều trong khi đưa ra một quyết định mua mới lại khá rủi ro.

Sự sụt giảm bất ngờ của BID, HDB và VNM đã góp phần kéo chỉ số Vnindex mất điểm khi 3 blue chip này rơi hơn -2%. Các blue chip khác như VCB, MWG, GAS, MSN hồi phục tốt nhất với mức tăng trên 2%. Nhóm cổ phiếu này trong đợt vừa qua đã mất hơn 20% vì vậy ở góc độ phân tích kỹ thuật các tín hiệu hồi phục đang dần mạnh lên. Vùng đáy quanh 880 – 890 đang ở trạng thái tích lũy ngắn hạn.



Vnindex 888.69

▼ -0.13 (-0.01%)

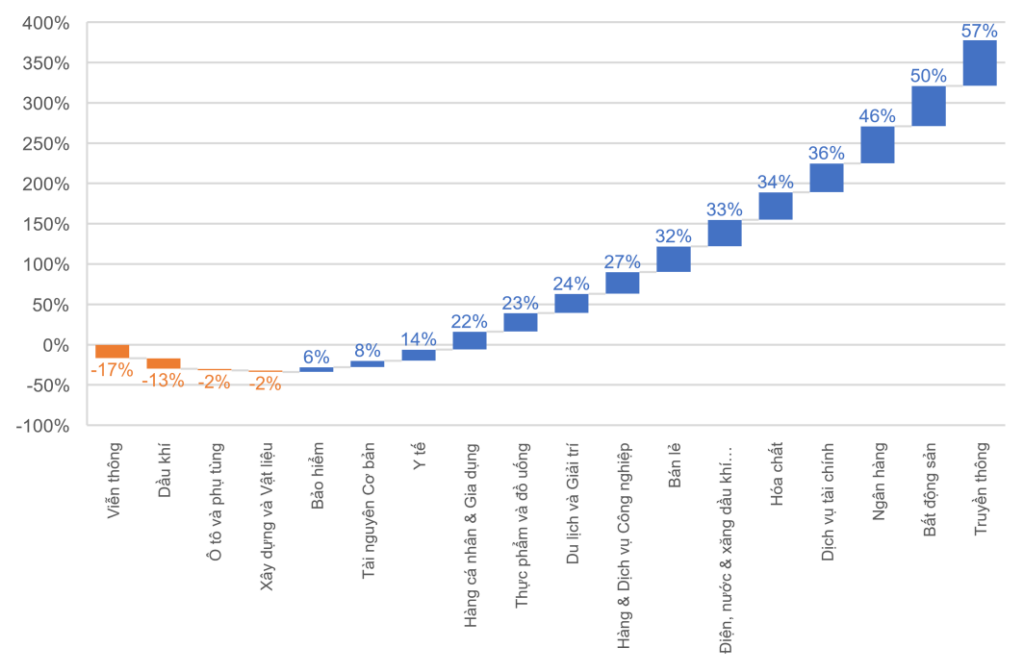
Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
VCB	194,999	54.2	2.46
MWG	34,575	107.1	2.29
GAS	189,481	99.0	2.06
MSN	90,726	78.0	1.96
BVH	67,565	96.4	1.80
PNJ	14,852	91.6	1.66
VJC	68,243	126.0	0.96
BHN	19,680	84.9	0.95
CTD	10,960	140.0	0.65
KDH	13,083	31.6	0.64
TPB	16,646	25.0	0.60
VHM	208,005	62.1	0.49
MBB	46,126	21.4	0.47
CTG	82,660	22.2	0.45
TCB	90,212	25.8	0.39
SSI	13,727	27.5	0.36
PLX	66,284	57.2	0.35
SAB	142,493	222.2	0.09
FPT	25,156	41.0	-
EIB	16,843	13.7	-
ROS	21,115	37.2	-
DHG	10,943	83.7	(0.12)
VPB	49,995	20.4	(0.25)
HPG	82,195	38.7	(0.39)
STB	21,554	12.0	(0.42)
VIC	308,311	96.6	(0.62)
NVL	64,183	70.2	(1.40)
VRE	65,587	34.5	(1.99)
REE	9,534	30.8	(2.23)
VNM	204,269	117.3	(2.25)
HDB	32,569	33.2	(2.64)
BID	94,357	27.6	(4.50)
HNG	12,238	13.8	(6.76)

Trong đợt giảm từ đầu tháng 10 vừa qua thị trường đã rơi với độ dốc khá cao và đã mất khoảng -14%. Biểu đồ Vnindex cho thấy mất một khoảng thời gian đến 3 tháng để chỉ số lên được 1020 nhưng chỉ mất 1 tháng để trở về đáy cũ 880. Về trung hạn có thể xem đây là quá trình suy yếu dần của Vnindex với các đỉnh đang thấp dần dù về mặt định giá PE của thị trường vẫn ở mức khá hấp dẫn – quanh 15. Tuy nhiên khi các yếu tố vĩ mô kém đi thì định giá chung của thị trường sẽ bị kéo lùi trở lại theo yếu tố tâm lý.

Trong ngắn hạn sẽ có những đợt hồi phục ngắn và đây là cơ hội cho nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và có thể gỡ lại một phần thua lỗ trong đợt giảm mạnh vừa qua. Việc sử dụng margin nên ở mức vừa phải và cần nhanh chóng thoát ra khi diễn biến thị trường trở nên xấu đi.

Cập nhật kết quả kinh doanh các ngành 9 tháng:



Tính đến nay sơ bộ đã có trên 704 doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh Q3 trong đó riêng sàn HOSE có 265 CP đã ra báo cáo. Lợi nhuận chung quý 3 tăng trưởng khoảng 16.6% so với cùng kỳ và tính chung 9 tháng đầu năm đã tăng trưởng 27%. Nhóm ngành tăng trưởng LN tốt nhất trong 9 tháng đầu năm đang chú ý có Bất Động Sản, Ngân Hàng, Chứng Khoán và Hóa Chất. Các nhóm ngành Ô tô, vật liệu xây dựng vẫn chững lại và ngành dầu khí tiếp tục giảm -13% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên một điểm cần lưu ý là nhóm ngành dầu khí đã gần như vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Sự sụt giảm kinh doanh là một phần còn lại của 6 tháng đầu năm. Khi giá dầu vượt lên trên 60 USD/thùng thì cơ hội đang quay trở lại với nhóm cổ phiếu dầu khí. Mới nhất PVD công bố báo cáo Q3 đã có lợi nhuận nhờ một số giàn khoan đi vào hoạt động trở lại và lợi nhuận đến từ hoạt động liên kết. Các nhóm cổ phiếu liên quan như PVS, GAS đều có kết quả kinh doanh nhiều gam màu sáng hơn hẳn cùng kỳ.



Lợi nhuận của 704 doanh nghiệp theo ngành (tỷ VNĐ)

Thống kê cập nhật 704 doanh nghiệp trên 3 sàn:

Tổng Lợi nhuận quý 3: 47,770 tỷ đồng – tăng 16.6% yoy

Tổng Lợi Nhuận 9 tháng: 144,161 tỷ đồng – tăng 27% yoy

Ngành	Q3.2018	Q3.2017	%YoY	9T.2018	9T.2017	%YoY2
Ngân hàng	13,839.5	11,605.4	19%	44,168.2	30,270.5	46%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,661.6	3,651.1	28%	14,453.1	10,902.3	33%
Xây dựng và Vật liệu	2,490.4	2,816.7	-12%	6,668.0	6,813.2	-2%
Bất động sản	2,171.5	1,311.1	66%	5,078.7	3,396.8	50%
Thực phẩm và đồ uống	7,172.8	6,594.9	9%	22,338.0	18,131.8	23%
Dầu khí	1,419.0	1,905.7	-26%	5,372.1	6,156.3	-13%
Dịch vụ tài chính	1,071.6	764.6	40%	3,386.1	2,492.1	36%
Hóa chất	1,513.4	924.5	64%	4,408.5	3,290.2	34%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5,540.7	4,358.5	27%	15,168.6	11,935.9	27%
Hàng cá nhân & Gia dụng	908.5	774.9	17%	2,542.3	2,087.9	22%
Y tế	618.4	537.4	15%	1,779.6	1,559.9	14%
Du lịch và Giải trí	1,946.1	1,251.8	55%	4,671.4	3,770.5	24%
Tài nguyên Cơ bản	2,772.1	3,110.5	-11%	9,093.0	8,394.2	8%
Bảo hiểm	225.1	242.8	-7%	760.9	714.6	6%
Bán lẻ	817.4	711.5	15%	2,631.8	1,991.7	32%
Ô tô và phụ tùng	142.4	91.3	56%	337.9	345.2	-2%
Công nghệ Thông tin	77.3	18.3	322%	197.8	122.0	62%
Truyền thông	82.6	52.5	57%	257.4	164.2	57%
Viễn thông	300.3	249.8	20%	848.2	1,017.1	-17%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Cổ Phiếu	Giá	Sàn	Ngành	Doanh thu 9T.2018	% DT Yoy	Lợi Nhuận 9T.2018	% LN YoY	EPS	PE
TTH	4.6	HNX	Bán lẻ hàng may mặc L4	166.9	27.7%	38.3	121.3%	1,648	2.8
BTT	40.95	HOSE	Bán lẻ phức hợp L4	264.4	2.7%	36.2	45.8%	3,531	11.6
CLX	11	UPCOM	Bất động sản L4	323.4	16.2%	89.0	388.7%	1,175	9.4
CSC	31.7	HNX	Bất động sản L4	243.3	52.9%	118.8	239.2%	14,642	2.2
DIG	13.65	HOSE	Bất động sản L4	1,630.1	87.0%	124.8	223.3%	603	22.6
DXG	22.75	HOSE	Bất động sản L4	3,236.6	93.1%	750.2	63.3%	3,042	7.5
IJC	8.07	HOSE	Bất động sản L4	958.8	48.0%	199.2	39.5%	1,778	4.5
ITA	2.77	HOSE	Bất động sản L4	435.8	23.0%	126.7	230.3%	61	45.4
LDG	14	HOSE	Bất động sản L4	605.2	38.7%	277.0	48.7%	1,979	7.1
LHG	18.6	HOSE	Bất động sản L4	295.5	64.6%	135.3	148.1%	5,144	3.6
NDN	13.5	HNX	Bất động sản L4	161.7	28.8%	82.6	56.7%	2,624	5.1
NLG	27.4	HOSE	Bất động sản L4	2,740.5	67.4%	635.1	80.5%	4,378	6.3
NTC	71	UPCOM	Bất động sản L4	120.8	18.8%	144.2	46.7%	11,775	6.0
SJS	14.95	HOSE	Bất động sản L4	121.5	173.9%	63.9	188.0%	1,313	11.4
SDG	29.9	HNX	Containers & Đóng gói L4	524.2	198.9%	36.3	71.4%	5,042	5.9
VSA	18	HNX	Dịch vụ vận tải L4	656.6	9.2%	39.1	59.3%	4,193	4.3
IFS	12	UPCOM	Đồ uống & giải khát L4	1,123.6	13.9%	144.0	46.6%	1,874	6.4
VCF	161.5	HOSE	Đồ uống & giải khát L4	2,267.8	10.5%	431.4	169.9%	23,926	6.7
AMV	32.4	HNX	Dược phẩm L4	164.2	1466.2%	94.7	9285.5%	4,874	6.6
DHT	41.5	HNX	Dược phẩm L4	1,281.8	17.9%	60.2	37.1%	4,447	9.3
DP3	83	HNX	Dược phẩm L4	361.9	44.4%	81.0	200.8%	14,072	5.9
YEG	279.3	HOSE	Giải trí & Truyền thông L4	1,034.8	110.7%	112.8	238.7%	2,474	112.9
PNJ	91.6	HOSE	Hàng cá nhân L4	10,507.7	35.5%	694.4	37.8%	5,651	16.2
VJC	126	HOSE	Hàng không L4	33,934.8	50.1%	3,681.3	33.2%	8,715	14.5
HTG	19.8	UPCOM	Hàng May mặc L4	3,364.6	14.6%	73.9	63.4%	4,824	4.1
STK	17.85	HOSE	Hàng May mặc L4	1,780.9	24.4%	131.4	96.5%	2,706	6.6
TNG	15.4	HNX	Hàng May mặc L4	2,726.6	47.6%	130.5	49.0%	3,203	4.8
VGT	11.3	UPCOM	Hàng May mặc L4	14,441.4	10.7%	409.0	50.8%	947	11.9
MSR	21.5	UPCOM	Khai khoáng L4	4,687.9	19.4%	339.7	247.3%	493	43.6
YBM	18.4	HOSE	Khai khoáng L4	238.4	56.0%	32.7	94.7%	2,958	6.2
NBC	6.4	HNX	Khai thác Than L4	1,552.1	44.3%	37.7	73.0%	2,414	2.7
TVD	5.3	HNX	Khai thác Than L4	3,165.8	63.2%	40.3	185.7%	1,247	4.3
ACV	79	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng L4	11,945.8	15.7%	4,945.0	68.1%	2,559	30.9
VEA	32.6	UPCOM	Máy công nghiệp L4	4,681.9	12.2%	4,843.7	35.4%	3,797	8.6

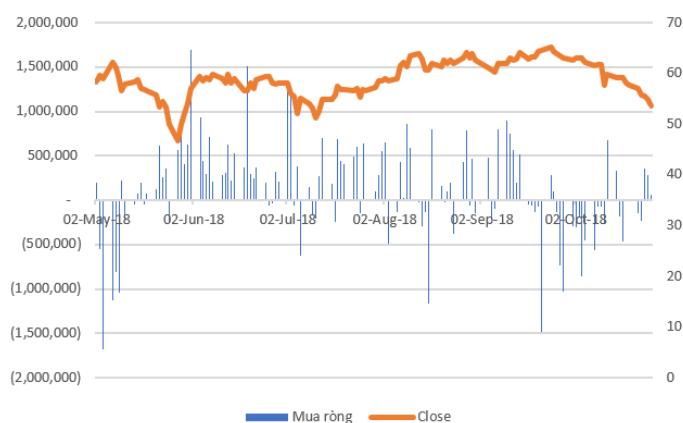
BSI	10.7	HOSE	Môi giới chứng khoán L4	752.9	85.8%	204.0	39.5%	2,145	5.0
CTS	11.95	HOSE	Môi giới chứng khoán L4	474.0	151.2%	148.6	99.2%	1,728	6.9
FTS	16.15	HOSE	Môi giới chứng khoán L4	320.2	49.6%	170.6	45.7%	2,129	7.6
HCM	53.3	HOSE	Môi giới chứng khoán L4	1,947.7	124.5%	603.4	64.0%	6,093	8.7
MBS	15	HNX	Môi giới chứng khoán L4	816.6	52.9%	177.0	823.0%	1,488	10.1
VCI	50.9	HOSE	Môi giới chứng khoán L4	1,414.3	41.2%	691.3	45.6%	5,375	9.5
VIX	8.7	HNX	Môi giới chứng khoán L4	363.0	50.6%	204.6	435.1%	3,022	2.9
PVM	10.2	UPCOM	Nhà cung cấp thiết bị L4	799.0	9.5%	30.4	38.3%	954	10.7
BWE	19.55	HOSE	Nước L4	1,591.4	27.5%	231.2	89.0%	2,099	9.3
TDM	18.7	HOSE	Nước L4	201.8	45.3%	90.7	124.6%	1,642	11.4
ABT	41	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	308.0	8.1%	54.8	250.6%	5,789	7.1
ANV	23.6	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	2,734.7	30.0%	303.4	254.0%	2,796	8.4
CMX	11.5	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	802.9	16.1%	58.9	264.0%	4,987	2.3
DAT	18.15	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	1,116.4	17.0%	34.1	93.7%	954	19.0
DBC	27.2	HNX	Nuôi trồng nông & hải sản L4	4,847.7	14.6%	246.6	81.3%	3,795	7.2
IDI	12.25	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	4,265.2	12.8%	454.9	105.9%	3,210	3.8
VHC	90	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản L4	6,569.3	9.6%	1,036.0	153.1%	13,203	6.8
SRA	60.8	HNX	Phần mềm L4	185.9	1942.9%	59.5	4506.8%	34,684	1.8
DGW	23.5	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng L4	4,382.7	62.6%	78.3	37.9%	2,504	9.4
MWG	107.1	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng L4	65,478.0	37.5%	2,186.7	33.8%	8,488	12.6
GAS	99	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt L4	56,613.9	19.2%	8,879.8	50.3%	6,557	15.1
PGD	38.4	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt L4	6,004.1	20.8%	197.0	59.1%	3,132	12.3
DGC	44.4	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác L4	4,327.3	58.2%	620.6	286.8%	6,893	6.4
HVT	48.5	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác L4	712.9	20.6%	65.5	77.7%	9,085	5.3
VET	63.9	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác L4	650.4	2.1%	57.2	44.1%	5,400	11.8
DNH	20.7	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện L4	1,596.3	31.6%	801.0	81.2%	2,399	8.6
KHP	10.25	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện L4	3,406.6	19.8%	63.9	125.4%	1,952	5.3
TMP	33	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện L4	626.8	15.8%	313.6	31.6%	5,526	6.0
SMB	32	HOSE	Sản xuất bia L4	1,090.7	47.4%	117.0	47.4%	5,519	5.8
CAP	37.4	HNX	Sản xuất giấy L4	310.6	50.3%	33.5	129.8%	6,629	5.6
DHC	39.3	HOSE	Sản xuất giấy L4	679.4	18.2%	103.7	129.2%	4,026	9.8
DNS	12	UPCOM	Thép và sản phẩm thép L4	1,216.6	18.3%	42.9	113.8%	2,261	5.3
HMC	14.55	HOSE	Thép và sản phẩm thép L4	2,867.7	41.5%	72.4	61.8%	5,151	2.8
PVB	17.8	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí L4	187.7	153.5%	30.1	70.5%	3,128	5.7
ST8	16.5	HOSE	Thiết bị văn phòng L4	1,340.0	3.1%	31.2	39.5%	1,311	12.6
APF	34	UPCOM	Thực phẩm L4	2,543.7	20.6%	79.1	87.4%	5,160	6.6
MCH	86	UPCOM	Thực phẩm L4	11,659.2	32.6%	2,483.7	96.0%	5,527	15.6
GSP	13.5	HOSE	Vận tải Thủy L4	1,234.1	37.4%	48.7	34.6%	2,148	6.3
PVT	16.95	HOSE	Vận tải Thủy L4	5,611.3	26.2%	422.6	64.8%	2,067	8.2
HT1	11.8	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất L4	6,059.6	1.3%	441.6	38.4%	1,560	7.6
TTN	5.4	UPCOM	Viễn thông cố định L4	127.3	33.9%	32.6	107.6%	1,952	2.8
PC1	22.9	HOSE	Xây dựng L4	3,578.2	55.5%	410.9	127.8%	3,098	7.4
PHC	14	HOSE	Xây dựng L4	1,940.1	44.8%	38.9	134.6%	1,788	7.8
SNZ	11	UPCOM	Xây dựng L4	2,964.3	19.4%	330.8	31.3%	1,131	9.7
VCP	33	UPCOM	Xây dựng L4	432.0	88.7%	170.6	132.8%	4,777	6.9



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS
VCB	HOSE	54.2	1,337,430	16.13	3.17	534,420	69,980	747,626,477	194,999	20.8%	3,359
CTG	HOSE	22.2	2,869,130	10.65	1.22	342,830	344,190	1,116,885,026	82,660	30.0%	2,085
BID	HOSE	27.6	3,140,410	11.68	1.88	116,430	811,880	93,074,252	94,357	2.7%	2,363
MBB	HOSE	21.35	5,457,910	9.12	1.47	-	-	432,090,274	46,126	20.0%	2,341
TCB	HOSE	25.8	1,327,540	9.88	1.82	-	-	786,733,236	90,212	22.5%	2,611
VPB	HOSE	20.35	6,943,060	7.38	1.56	1,842,720	1,842,720	570,052,382	49,995	23.2%	2,757
STB	HOSE	11.95	5,088,100	16.17	0.91	220	131,900	228,920,555	21,554	12.7%	739
EIB	HOSE	13.7	159,300	13.65	1.12	700	-	369,478,757	16,843	30.1%	1,003
HDB	HOSE	33.2	1,892,920	11.87	2.28	203,980	442,000	269,337,304	32,569	27.5%	2,797
TPB	HOSE	25	368,350	9.93	1.63	-	-	145,468,410	16,646	21.8%	2,517
SHB	HNX	7.5	7,125,564	5.33	0.58	3,100	18,000	113,408,989	9,023	9.4%	1,407
ACB	HNX	28.5	3,626,038	9.03	1.82	-	-	386,576,321	35,544	31.0%	3,157
NVB	HNX	9.5	1,456,400	100.03	0.88	-	-	99,475	2,828	0.0%	95
LPB	UPCOM	9.1	800,405	6.42	0.68	-	219,500	37,238,676	6,825	5.0%	1,417
BAB	UPCOM	20.5	11,700	16.32	1.64	-	-	1,138,530	11,275	0.2%	1,256
VIB	UPCOM	26.6	53,830	7.12	1.40	-	-	115,710,712	14,165	21.7%	3,736
KLB	UPCOM	10.4	36,300	14.34	0.90	-	-	57,001,000	3,327	17.8%	725

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE

VRC	3.15
KSB	3.70
HAG	3.99
BCE	4.09
DPG	4.39
UIC	4.74
HHS	4.74
HVG	5.47
UDC	6.37
HPX	6.39
JVC	6.79
TDG	6.82
RIC	6.89
ACL	6.90
ATG	6.91
HSL	6.95

Top tăng giá HNX

DXP	4.31
ICG	6.02
BCC	6.06
HKT	6.67
MPT	7.14
HHP	9.35
KDM	9.38
CVN	10.00
PVV	16.67

TLH - CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên - Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2018 với doanh thu thuần đạt 1.524 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 32 tỷ đồng, giảm 55,5%. Lũy kế 9 tháng từ đầu năm 2018, TLH đạt 4.582 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2017. Nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm 31%, xuống còn 173,8 tỷ đồng.

VCG - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex - Đã công bố Báo cáo tài chính quý 3/2018 với doanh thu thuần giảm 9% so với cùng kỳ, xuống còn 2.222 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 185 tỷ đồng, giảm 29%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018, doanh thu của VCG giảm 4% so với cùng kỳ, còn 6.381 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế ở mức 368 tỷ đồng, giảm 41%.

SVC - Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn – Quý 3/2018 đạt doanh thu hơn 3.490 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm ngoái, nhưng lợi nhuận sau thuế gấp 3,9 lần cùng kỳ, đạt hơn 78 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018, SVC đạt doanh thu 9.631 tỷ đồng, giảm 5,4%; lợi nhuận sau thuế hơn 190 tỷ đồng, tăng 102% so với cùng kỳ năm ngoái.

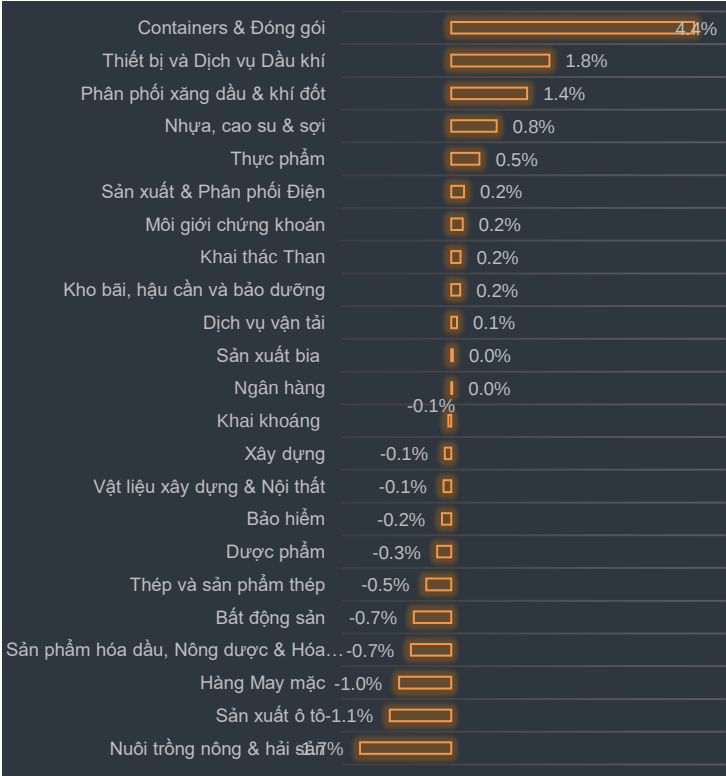
HDC - Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu – Quý 3/2018 đạt doanh thu 80,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3,94 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, HDC đạt 487 tỷ đồng doanh thu và hơn 48 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng bằng 69,68% kế hoạch doanh thu và 46,24 kế hoạch lợi nhuận năm.

LAS - Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao – Quý 3/2018 đạt 598,8 tỷ đồng doanh thu, gần 18 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, trong khi lần lượt các chỉ tiêu này của cùng kỳ năm trước là 614,8 tỷ đồng và hơn 27 tỷ đồng. Lợi nhuận trong quý 3/2018 giảm so với cùng kỳ năm trước là do thị trường phân bón trong nước đang trong giai đoạn bão hòa, khiến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của LAS gặp khó khăn.

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền - Quý 3/2018, doanh thu thuần KDH giảm 10%, đạt hơn 408 tỷ đồng tuy nhiên lãi ròng đạt gần 168 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018, lãi ròng KDH đạt gần 404 tỷ đồng, tăng 8% so cùng kỳ.

BTP - CTCP Nhiệt điện Bà Rịa - Ngày 12/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bổ sung, ngày đăng ký cuối cùng là 13/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10,9%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/11/2018.

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: HPX, NVT, LEC

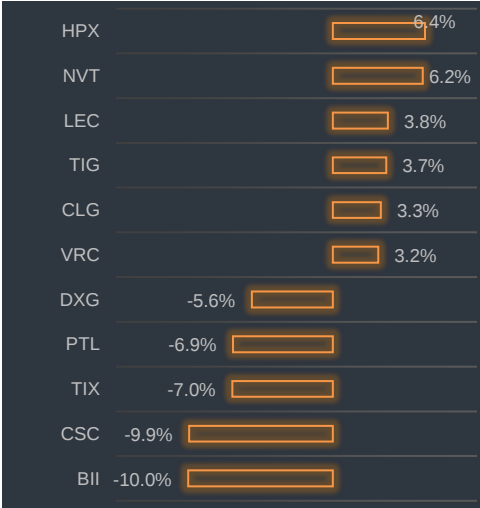
Xây dựng: PVV, CVN, KDM

Dầu khí: TDG, PGS, PVS

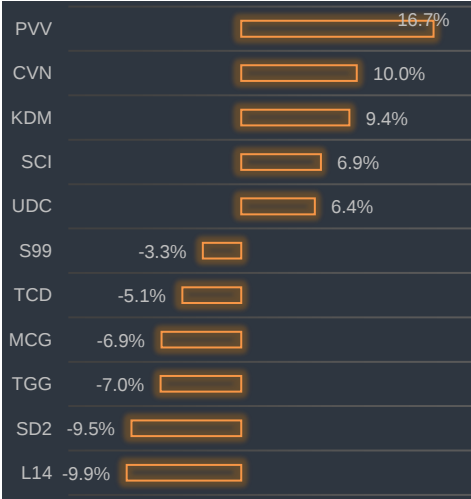
Chứng khoán: PSI, BVS, VCI

Ngân hàng: VCB, ACB, NVB

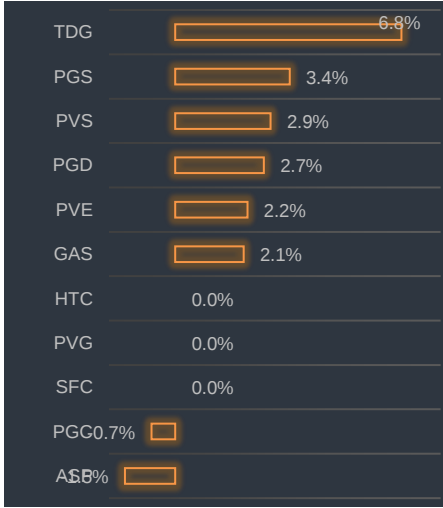
Bất động sản



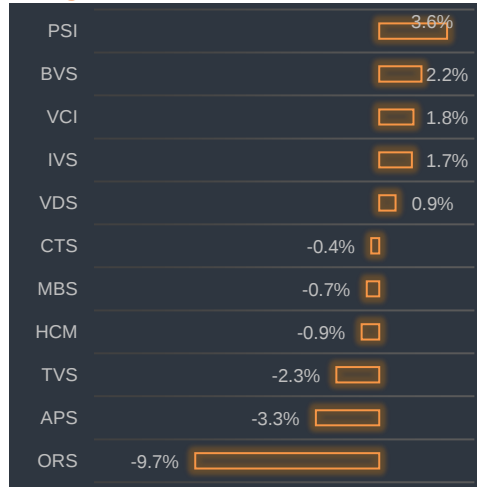
Xây dựng



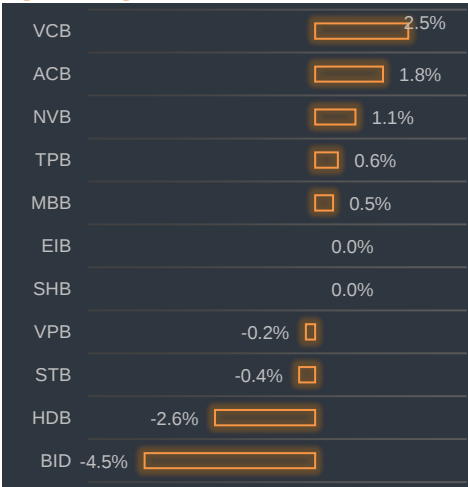
Dầu khí



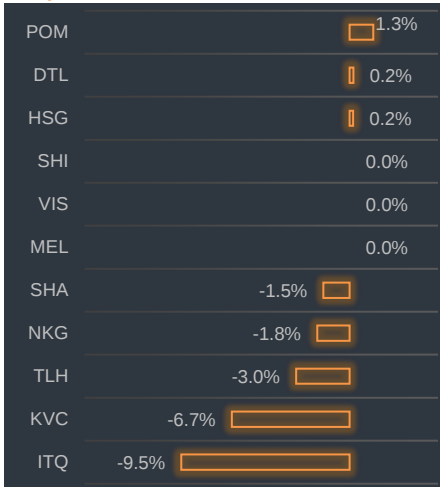
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931